

Số: **3650**/GD-TCHCThành phố Hồ Chí Minh, ngày **23** tháng 12 năm 2024**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định.
- Mã chứng khoán: GDW
- Địa chỉ trụ sở chính: 2Bis Nơ Trang Long, Phường 14, quận Bình Thạnh, TP. HCM.
- Điện thoại: 19001024 Fax: 38 412 524.
- Người thực hiện công bố thông tin:

- Họ và tên: Ông Nguyễn Ngọc Hùng - Giám đốc Công ty
- Địa chỉ: 41F/62 Đường Trục, Phường 13, quận Bình Thạnh, TP. HCM.
- Điện thoại:
- + Di động: 0983087188; Cơ quan: 19001024 Fax: (028)38418524

- Loại thông tin công bố:

24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

- Nội dung công bố thông tin:

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 quy định **công bố thông tin bất thường về việc nhận được Thông báo kết quả kiểm toán tại Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định.**

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử Công ty :www.capnuocgiadinh.vn (vào mục Tin cổ đông).


- Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Đính kèm:

- Công văn số 3649/GĐ-KTTC ngày 23/12/2024.
- Thông báo kết quả kiểm toán tại Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: NQTCT.

Người đại diện pháp luật
Giám đốc

Nguyễn Ngọc Hùng

V/v : “Công bố thông tin bất thường”

Kính gửi : - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Căn cứ quyết định số 1350/QĐ-KTNN ngày 11/7/2024, số 1361/QĐ-KTNN ngày 12/7/2024 của Tổng kiểm toán Nhà nước về việc kiểm toán Ngân sách địa phương năm 2023; chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện các chính sách ưu đãi người có công giai đoạn 2021-2023 và hoạt động quản lý, điều hành vận tải hành khách công cộng có sự trợ giá của Nhà nước giai đoạn 2022-2023 tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tổ kiểm toán số 6 thuộc Đoàn Kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước khu vực IV đã tiến hành kiểm toán tại Công ty cổ phần Cấp nước Gia Định từ 09/8/2024 đến 16/8/2024.

2. Qua thời gian kiểm toán, đến ngày 23/12/2024 Công ty cổ phần Cấp nước Gia Định nhận được thông báo kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần Cấp nước Gia Định số 26/TB-KV IV đề ngày 11/11/2024 của Kiểm toán nhà nước khu vực IV.

3. Theo kết luận của Kiểm toán nhà nước khu vực IV, Công ty cổ phần Cấp nước Gia Định phải thực hiện điều chỉnh số liệu trên sổ kế toán và Báo cáo tài chính năm 2023 theo kết quả kiểm toán tại Báo cáo kiểm toán và Công ty sẽ điều chỉnh trong thời gian sớm nhất.

Công ty cổ phần Cấp nước Gia Định xin công bố thông tin bất thường này đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội để biết

(Đính kèm Thông báo kết quả Kiểm toán của kiểm toán Nhà nước khu vực IV)

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu (VT KTTC)



Số: 26 /TB-KV IV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 11 năm 2024

**THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TOÁN
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA ĐỊNH**

Kính gửi: Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định

Thực hiện Quyết định số 1350/QĐ-KTNN ngày 11/7/2024, số 1361/QĐ-KTNN ngày 12/7/2024 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán Ngân sách địa phương năm 2023; chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện các chính sách ưu đãi người có công giai đoạn 2021-2023 và hoạt động quản lý, điều hành vận tải hành khách công cộng có sự trợ giá của nhà nước giai đoạn 2022-2023 tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tổ kiểm toán số 6 thuộc Đoàn Kiểm toán của Kiểm toán nhà nước (KTNN) khu vực IV đã tiến hành kiểm toán tại Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định (sau đây viết tắt là Công ty) từ ngày 09/8/2024 đến ngày 16/8/2024.

Căn cứ Báo cáo kiểm toán của Đoàn kiểm toán đã được phát hành và kết quả kiểm toán tại Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán tại Công ty, KTNN khu vực IV thông báo kết luận và kiến nghị kiểm toán đối với đơn vị như sau:

I. KẾT LUẬN KIỂM TOÁN

Các đánh giá, nhận xét đã được thể hiện trong Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán được ký với đơn vị. Sau đây là kết luận kiểm toán tại đơn vị:

1. Xác nhận về tính trung thực, hợp lý của Báo cáo tài chính**1.1. Kết quả kiểm toán số liệu: chi tiết tại Phụ lục số 05-TBKQKT kèm theo.****1.2. Ý kiến xác nhận về tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính**

- Trách nhiệm của đơn vị được kiểm toán: lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo khuôn khổ về lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng (*Chuẩn mực, Chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan*); thực hiện kiểm soát nội bộ mà đơn vị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

- Ý kiến của Tổ kiểm toán: ngoại trừ sự ảnh hưởng của các yếu tố đã nêu trong mục phạm vi và giới hạn kiểm toán tại Biên bản kiểm toán; các sai sót do KTNN phát hiện được nêu tại Thông báo này, xét trên các khía cạnh trọng yếu Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của đơn vị tại thời điểm lập báo cáo, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng và quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Về chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính - kế toán, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công

(1) Thực hiện đối chiếu xác nhận công nợ chưa đầy đủ, tỷ lệ đối chiếu công nợ: trả trước cho người bán ngắn hạn đạt 35,5%, phải trả cho người bán ngắn hạn đạt 96,7%, phải thu ngắn hạn của khách hàng đạt 94,65%, người mua trả tiền trước ngắn hạn đạt 35%, phải thu dài hạn khác đạt 66,7%, phải trả dài hạn khác đạt 26,4%.

(2) Còn tồn tại khoản công nợ phải thu khó đòi (dự phòng nợ phải thu khó đòi 3.870 triệu đồng).

(3) Trích vượt quỹ tiền lương theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh xã hội.

II. KIẾN NGHỊ

Đối với Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định

1. Kiến nghị điều chỉnh sổ kế toán, báo cáo tài chính: điều chỉnh sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo ý kiến kết luận của KTNN (*chi tiết tại Phụ lục số 05/TBKQKT*).

2. Kiến nghị về xử lý tài chính: tăng thu NSNN 572.700.836 đồng (*chi tiết tại Phụ lục số 02, 02a/TBKQKT*).

3. Kiến nghị chấn chỉnh công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công:

(1) Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý tài chính, kế toán.

(2) Thực hiện đối chiếu, xác nhận đầy đủ các khoản công nợ.

Đề nghị Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định chỉ đạo đơn vị thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước theo Thông báo này và báo cáo kết quả thực hiện về Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV để tổng hợp báo cáo Kiểm toán nhà nước khu vực IV địa chỉ: 49 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh trước ngày 30/6/2025. Quá thời hạn nêu trên, đơn vị được kiểm toán phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm quy định về thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán nhà nước theo quy định tại Điều 14 của Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán nhà nước. Trong Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán cần nêu rõ: những kiến nghị đã thực hiện; kiến nghị đang thực hiện; kiến nghị chưa thực hiện (*với những kiến nghị đã thực hiện cần ghi rõ tên bằng chứng, phô tô kèm theo các chứng từ, tài liệu, ... để chứng minh; với kiến nghị đang thực hiện và kiến nghị chưa thực hiện phải giải thích rõ lý do*). Khi đơn vị thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, ghi chép chứng từ theo hướng dẫn tại Phụ lục 01-TBKQKT kèm theo.

Thông báo gồm 03 trang, từ trang 01 đến trang 03 và các Phụ lục số 01,

02, 02a, 05-TBKQKT là bộ phận không tách rời của Thông báo này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TCT Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV;
- Lưu: VT, ĐKT, Tổ kiểm toán.

KIỂM TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Phúc

**HƯỚNG DẪN GHI CHÉP CHỨNG TỪ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN
CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**

Đối với kiến nghị tăng thu về thuế, phí, thu khác và các khoản chi sai,... nộp tại Kho bạc Nhà nước: Các chứng từ nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị được kiểm toán giao dịch (giấy nộp tiền, ủy nhiệm chi, giấy nộp trả kinh phí, lệnh chuyển có,...), ngoài việc ghi rõ nội dung kiến nghị kiểm toán, số tiền cụ thể theo quy định, còn phải ghi rõ “Nộp NSNN thực hiện theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm 2023 tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số 175/KTNN-TH ngày 04/11/2024 và theo Công văn số 11/KVIV-TH ngày 04/11/2024 của Kiểm toán nhà nước khu vực IV gửi Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh” đồng thời đánh dấu vào ô KTNN trên giấy nộp tiền vào NSNN.

**BẢNG TỔNG HỢP TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA ĐỊNH**

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Đơn vị/Chỉ tiêu	Mã số thuế	Thuế thu nhập doanh nghiệp
A	B	C	1
1	Công ty TNHH Cổ phần Cấp nước Gia Định	0304806225	572.700.836

12/10/2023

THUYẾT MINH KẾT QUẢ KIỂM TOÁN THU NSNN NĂM 2023
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA ĐỊNH

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Đơn vị/chỉ tiêu	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
A	B	1	2	3
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	572.700.836	Điều chỉnh giảm quỹ tiền lương trích vượt quy định tại Điều 10 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH và kinh phí đăng trích theo lương.	

**PHỤ LỤC KẾT QUẢ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA ĐỊNH**

I. KIỂM TOÁN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/12/2023

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
B	C	1	2	3 = 2 - 1
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	144.514.455.810	144.514.455.810	-
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	81.315.106.752	81.315.106.752	-
1. Tiền	111	51.315.106.752	51.315.106.752	
2. Các khoản tương đương tiền	112	30.000.000.000	30.000.000.000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	13.000.000.000	13.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	13.000.000.000	13.000.000.000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	11.355.313.988	11.355.313.988	-
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	9.859.427.163	9.859.427.163	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	1.355.422.511	1.355.422.511	
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.010.951.910	4.010.951.910	
5. Dự phòng phải thu khó đòi	137	-3.870.487.596	-3.870.487.596	
IV. Hàng tồn kho	140	31.987.114.147	31.987.114.147	-
1. Hàng tồn kho	141	31.987.114.147	31.987.114.147	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	6.856.920.923	6.856.920.923	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.540.694.742	4.540.694.742	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	2.316.226.181	2.316.226.181	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	161.904.743.545	161.904.743.545	-
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	993.324.114	993.324.114	
6. Phải thu dài hạn khác	216	993.324.114	993.324.114	
II. Tài sản cố định	220	151.977.076.046	151.977.076.046	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	148.543.465.532	148.543.465.532	
- Nguyên giá	222	558.638.607.380	558.638.607.380	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	-410.095.141.848	-410.095.141.848	
2. Tài sản cố định vô hình	227	3.433.610.514	3.433.610.514	
- Nguyên giá	228	12.832.679.642	12.832.679.642	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	-9.399.069.128	-9.399.069.128	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.430.486.024	5.430.486.024	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.430.486.024	5.430.486.024	
VI. Tài sản dài hạn khác	260	3.503.857.361	3.503.857.361	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	3.503.857.361	3.503.857.361	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	306.419.199.355	306.419.199.355	-
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	130.829.751.366	128.538.948.023	(2.290.803.343)
I. Nợ ngắn hạn	310	121.779.790.035	119.488.986.692	(2.290.803.343)
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	64.038.427.922	64.038.427.922	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	551.556.285	551.556.285	
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	1.243.397.352	1.816.098.188	572.700.836

4. Phải trả người lao động	314	16.184.030.797	13.337.605.172	(2.846.425.625)
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	25.175.008	25.175.008	
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	32.117.845.671	32.100.767.117	(17.078.554)
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.942.664.272	4.942.664.272	
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	2.676.692.728	2.676.692.728	
II. Nợ dài hạn	330	9.049.961.331	9.049.961.331	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	640.192.648	640.192.648	
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	8.409.768.683	8.409.768.683	
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	175.589.447.989	177.880.251.332	2.290.803.343
I. Vốn chủ sở hữu	410	175.589.447.989	177.880.251.332	2.290.803.343
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	95.000.000.000	95.000.000.000	
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	41.176.564.165	41.176.564.165	
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	39.412.883.824	41.703.687.167	2.290.803.343
- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước	421a	3.439.807.378	3.439.807.378	
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	35.973.076.446	38.263.879.789	2.290.803.343
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	306.419.199.355	306.419.199.355	0

** Nguyên nhân chênh lệch:*

1. Phải trả người lao động giảm	(2.846.425.625)
Điều chỉnh giảm quỹ tiền lương trích vượt quy định tại Điều 10 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH và kinh phí đảng trích theo lương.	
2. Phải trả ngắn hạn khác	(17.078.554)
Điều chỉnh giảm số tiền kinh phí đảng trích theo tiền lương năm 2023	
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước tăng	572.700.836
Điều chỉnh giảm quỹ tiền lương trích vượt quy định tại Điều 10 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH và kinh phí đảng trích theo lương.	
4. LNST chưa phân phối năm nay tăng	2.290.803.343
Do thay đổi theo kết quả kiểm toán	

II. KIỂM TOÁN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Số Báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3 = 2 - 1
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	654.093.380.539	654.093.380.539	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	706.691.621	706.691.621	
3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	653.386.688.918	653.386.688.918	
4. Giá vốn hàng bán	11	391.246.442.350	391.246.442.350	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	262.140.246.568	262.140.246.568	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.027.499.957	2.027.499.957	
7. Chi phí tài chính	22	1.358.832.466	1.358.832.466	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	1.358.832.466	1.358.832.466	
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25	138.056.653.944	136.314.641.462	(1.742.012.482)
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	80.176.061.089	79.054.569.392	(1.121.491.697)
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 24 - 22 - 25 - 26)	30	44.576.199.026	47.439.703.205	2.863.504.179
12. Thu nhập khác	31	1.626.859.681	1.626.859.681	
13. Chi phí khác	32	816.920.518	816.920.518	
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	809.939.163	809.939.163	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60 = 30 + 40 + 41)	50	45.386.138.189	48.249.642.368	2.863.504.179
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	9.413.061.743	9.985.762.579	572.700.836
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60	35.973.076.446	38.263.879.789	2.290.803.343

***Nguyên nhân chênh lệch:**

1. Chi phí bán hàng giảm

(1.742.012.482)

Điều chỉnh giảm quỹ tiền lương trích vượt quy định tại Điều 10 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH và kinh phí đăng trích theo lương.

2. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm

(1.121.491.697)

Điều chỉnh giảm quỹ tiền lương trích vượt quy định tại Điều 10 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH và kinh phí đăng trích theo lương.

3. Chi phí Thuế TNDN hiện hành tăng

572.700.836

Điều chỉnh giảm quỹ tiền lương trích vượt quy định tại Điều 10 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH và kinh phí đăng trích theo lương.

4. Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng

2.290.803.343

Do thay đổi theo kết quả kiểm toán

III. KIỂM TOÁN THỰC HIỆN NGHĨA VỤ THUẾ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẾN NGÀY 31/12/2023

a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
I. Thuế	-	-	-
1. Thuế giá trị gia tăng	-	-	-
2. Thuế TNCN	-	-	-
II. Các khoản phải thu khác	-	-	-
Tổng cộng (I+II)	-	-	-
III. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-

b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
I. Thuế	1.243.397.352	1.816.098.188	572.700.836
1. Thuế Thu nhập doanh nghiệp	197.664.525	770.365.361	572.700.836
2. Thuế Giá trị gia tăng	771.514.631	771.514.631	-
3. Thuế Thu nhập cá nhân	274.218.196	274.218.196	-
4. Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-
II. Các khoản phải nộp khác	13.591.024.268	13.591.024.268	-
1. Phải nộp ngân sách lợi nhuận còn lại	-	-	-
2. Phí BVMT, giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải	13.591.024.268	13.591.024.268	-
3. Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	-	-	-
Tổng cộng (I+II)	14.834.421.620	15.407.122.456	572.700.836
III. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-

Giải thích nguyên nhân chênh lệch:

1. Thuế TNDN tăng

Điều chỉnh giảm quỹ tiền lương trích vượt quy định tại Điều 10 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH và kinh phí đảng trích theo lương.

572.700.836

572.700.836